**HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU**

ĐỒ ÁN THỰC HÀNH

BÁO CÁO ĐỒ ÁN

**Nhóm 7**

19127348 – Bùi Công Danh

19127362 – Lê Xuân Dĩnh

19127518 – Lê Hoàng Thịnh Phước

19127643 – Nguyễn Mai Xuân Huyên

****

Khoa Công nghệ Thông tin

Đại học Khoa học Tự nhiên TP HCM

Tháng 11/2021

**MỤC LỤC**

[Thông tin nhóm 3](#_Toc87177109)

[Bảng thông tin chi tiết nhóm 3](#_Toc87177110)

[Bảng phân công công việc 3](#_Toc87177111)

[Mô tả cơ sở dữ liệu 4](#_Toc87177112)

[Mô hình thực thể kết hợp 4](#_Toc87177113)

[Mô tả thuộc tính 5](#_Toc87177114)

[Đặc tả cơ sở dữ liệu 6](#_Toc87177115)

[Mối quan hệ 7](#_Toc87177116)

[Phân quyền người dùng 8](#_Toc87177117)

[Giới thiệu Role 8](#_Toc87177118)

[Thiết lập người dùng 9](#_Toc87177119)

[Phân quyền người dùng 9](#_Toc87177120)

**1**

# Thông tin nhóm

**1.1**

### Bảng thông tin chi tiết nhóm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| MSSV | Họ tên | Email |
| 19127348 | Bùi Công Danh | 19127348@student.hcmus.edu.vn |
| 19127362 | Lê Xuân Dĩnh | 19127362@student.hcmus.edu.vn |
| 19127518 | Lê Hoàng Thịnh Phước | 19127518@student.hcmus.edu.vn |
| 19127643 | Nguyễn Mai Xuân Huyên | 19127643@student.hcmus.edu.vn |

**1.2**

### Bảng phân công công việc

**Phân công công việc lần 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Người thực hiện | Công việc | Đánh giá của nhóm |
| Bùi Công Danh | Phân quyền người dùng | /10 |
| Lê Xuân Dĩnh | Phân quyền người dùng | /10 |
| Lê Hoàng Thịnh Phước | Thiết kế cơ sở dữ liệu | /10 |
| Nguyễn Mai Xuân Huyên | Thiết kế cơ sở dữ liệu | /10 |

**2**

# Mô tả cơ sở dữ liệu

**2.1**

### Mô hình thực thể kết hợp

Diagram

Description automatically generated

**2.2**

### Mô tả thuộc tính

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thực thể** | **Thuộc tính** | **Mô tả** | **Kiểu dữ liệu** |
| TAIKHOAN | USERNAME | Tên tài khoản | Char(13) |
| PASSWORD | Mật khẩu tài khoản | Char(13) |
| TEN | Tên người dùng | NText |
| SODTH | Số điện thoại người dùng | Char(10) |
| EMAIL | Email người dùng | Varchar(50) |
| DOITAC | MADT | Mã đối tác | Char(10) |
| NGUOIDAIDIEN | Người đại diện của đối tác | NText |
| THANHPHO | Thành phố | NVarchar(30) |
| QUAN | Quận | NVarchar(20) |
| LOAIHANG | Loại hàng | NVarchar(50) |
| DIACHI | Địa chỉ | NText |
| KHACHHANG | MAKH | Mã khách hàng | Char(10) |
| SANPHAM | MASP | Mã sản phẩm | Char(10) |
| TENSANPHAM | Tên sản phẩm | Ntext |
| GIA | Giá sản phẩm | Money |
| TINHTRANG | Tình trạng sản phẩm | Nvarchar(30) |
| LOAIHANG | Loại sản phẩm | Ntext |
| DONHANG | MADH | Mã đơn hàng | Char(10) |
| HINHTHUCTT | Hình thức thanh toán đơn hàng | NVarchar(30) |
| DIACHI | Địa chỉ giao hàng | NText |
| PHISP | Phí sản phẩm phải trả | Money |
| PHIVC | Phí vận chuyển phải trả | Money |
| TINHTRANG | Tình trạng đơn hàng | NVarchar(20) |
| TAIXE | MATX | Mã tài xế | Char(10) |
| CMND | Số chứng minh nhân dân | Char(12) |
| BIENSO | Biển số xe | Varchar(12) |
| KHUVUC | Khu vực hoạt động | NText |
| TAIKHOAN | Thông tin tài khoản ngân hàng để nhận chuyển khoản | Varchar(20) |
| HOPDONG | MAHD | Mã hợp đồng | Char(10) |
| MASOTHUEDOITAC | Mã số thuế của đối tác | Char(10) |
| NGUOIDAIDIEN | Người đại diện của đối tác | Ntext |
| SOCHINHANHDANGKY | Số chi nhánh đăng ký của đối tác | Smallint |
| PHIKICHHOAT | Phí kích hoạt hợp đồng | Money |
| PHIHOAHONG | Phần trăm hoa hồng theo quy định hiện tại | Money |
| THOIGIANHIEULUC | Thời gian hiệu lực của hợp đồng | Date |
| CHINHANH | STT | Số thứ tự của chi nhánh | Int |
| DIACHI | Địa chỉ chi nhánh | NText |
| CT\_DONHANG | MADH | Mã đơn hàng | Char(10) |
| MASP | Mã sản phẩm | Char(10) |
| SOLUONG | Số lượng | Int |
| DS\_SANPHAM | MASP | Mã sản phẩm | Char(10) |
| MADT | Mã đối tác | Char(10) |
| STT | Số thứ tự | Int |
| SOLUONG | Số lượng | Int |

**2.3**

### Đặc tả cơ sở dữ liệu

* TAIKHOAN(**USERNAME**, PASSWORD, TEN, SODTH, EMAIL)

Tài khoản người dùng trên hệ thống. Khi tạo tài khoản, cần lưu trữ thông tin về tên người dùng (USERNAME), mật khẩu (PASSWORD) để đăng nhập, ngoài ra cần lưu thêm thông tin của tài khoản, bao gồm tên người dùng (TEN), số điện thoại liên lại (SODTH), và địa chỉ email (EMAIL). Trên hệ thống có tất cả 5 vai trò: Admin, Nhân viên, Đối tác, Khách hàng, Tài xế, mỗi khi một tài khoản được tạo, nhân viên sẽ cung cấp vai trò của tài khoản dựa trên role mà người dùng đã đăng ký.

* DOITAC(**MADT**, NGUOIDAIDIEN, THANHPHO, QUAN, LOAIHANG)

Đối tác của hệ thống là các nhà doanh nghiệp có nhu cầu vận chuyển hàng hoá đến khách hàng. Mỗi đối tác có một mã đối tác (MADT) để phân biệt với các đối tác khác và có các loại hàng vận chuyển Ngoài ra, khi đăng ký các đối tác sẽ cung cấp người đại diện, thành phố, quận đối tác hiện đang hoạt động và loại hàng vận chuyển.

* CHINHANH(**STT**, DIACHI)

Mỗi chi nhánh được đăng ký thuộc về một đối tác của hệ thống. Mỗi chi nhánh của một đối tác sẽ được đánh số thứ tự (STT) và địa chỉ của chi nhánh (DIACHI).

* KHACHHANG(MAKH)

Khách hàng muốn sử dụng sẽ đăng ký thành viên trên hệ thống. Mỗi khách hàng có một mã khách hàng (MAKH) để phân biệt với các khách hàng khác.

* SANPHAM(**MASP**, TENSANPHAM, GIA, LOAISP, MADT)

Mỗi sản phẩm được đánh mã sản phẩm (MASP) để phân biệt với các sản phẩm khác. Mỗi sản phẩm được cung cấp bởi một đối tác. Mỗi sản phẩm có tên sản phẩm, giá bán và thuộc một loại sản phẩm (LOAISP).

* DONHANG(**MADH,** HINHTHUCTT, DIACHI, PHISP, PHIVC, TINHTRANG)

Khách hàng mỗi lần đặt mua hàng sẽ có một đơn hàng tương ứng. Mỗi đơn hàng sẽ có mã đơn hàng (MADH) tương ứng để phân biệt. Đơn hàng bao gồm hình thức thanh toán của khách hàng (chuyển khoản, ship COD,…), tổng chi phí các sản phẩm trong đơn hàng, phí vận chuyển và tình trạng đơn hàng (huỷ, đang giao,…).

* CT\_DONHANG(**MADH, MASP**, SOLUONG)

Quan hệ CT\_DONHANG cho biết các sản phẩm nào nằm trong đơn hàng nào. Mỗi đơn hàng có thể có nhiều sản phẩm. Mỗi chi tiết đơn hàng bao gồm mã sản phẩm (MASP) có trong đơn hàng và số lượng (SOLUONG) ứng với sản phẩm đó.

* HOPDONG(**MAHD**, MASOTHUE, NGUOIDAIDIEN, PTHOAHONG, THOIGIANHIEULUC)

Các đối tác của hệ thống sau khi đăng ký thông tin thành công cần lập một hợp đồng với hệ thống. Mỗi hợp đồng có mã hợp đồng (MAHD) để phân biệt giữa các hợp đồng. Mỗi hợp đồng được ký với một đối tác xác định, thông tin hợp đồng bao gồm người đại diện của đối tác. Mỗi đối tác khi ký hợp đồng sẽ phải đóng phí kích hoạt 1 triệu đồng. Mỗi hợp đồng có thời gian hiệu lực (THOIGIANHIEULUC), sau khi hết thời hạn này, nếu đối tác có nhu cầu cần phải tái ký hợp đồng, thời hạn sẽ được cập nhật cùng với phần trăm hoa hồng (PTHOAHONG) được quy định hiện tại lúc ký hợp đồng.

* TAIXE(**MATX**, CMND, BIENSO, KHUVUC, TKNGANHANG)

Các tài xế của hệ thống để được hoạt động cần phải đăng ký thành viên. Mỗi tài xế được cấp mã tài xế (MATX) để phân biệt. Thông tin của mỗi tài xế bao gồm số chứng minh nhân dân, biển số xe đăng ký giao hàng, khu vực hoạt động, tài khoản ngân hàng để nhận tiền chuyển khoản. Khi đăng ký thành viên, tài xế cần phải nộp một khoản phí thuế chân.

* DS\_SANPHAM(**MASP, MADT, STT**, SOLUONG)

Quan hệ DS\_SANPHAM cho biết ở các chi nhánh của các đối tác, số lượng sản phẩm đang có là bao nhiêu. Một chi nhánh có thể có nhiều sản phẩm khác nhau. Mỗi danh sách sản phẩm bao gồm mã sản phâm (MASP), mã đối tác (MADT) và chi nhánh của đối tác đó (STT), và số lượng sản phẩm chi nhánh đang có (SOLUONG)

**2.4**

### Mối quan hệ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mối Quan Hệ** | **Kiểu Quan Hệ** | **Mô Tả** |
| DOITAC - SANPHAM | 1 Mandatory to Many Mandatory | Một đối tác cung cấp nhiều sản phẩm.  Mỗi sản phẩm được cung cấp bởi một đối tác |
| SANPHAM - DONHANG | Many Optional to Many Mandatory | Mỗi đơn hàng phải có ít nhất một sản phẩm.  Sản phẩm có thể không thuộc hoặc thuộc nhiều đơn hàng. |
| KHACHANG - DONHANG | 1 Mandatory to Many Optional | Mỗi đơn hàng chỉ thuộc về một khách hàng.  Một khách hàng có thể có từ không đến nhiều đơn hàng. |
| DOITAC - HOPDONG | 1 Mandatory to Many Optional | Mỗi đối tác có thể có không hoặc nhiều hợp đồng.  Mỗi hợp đồng chỉ được ký với một đối tác. |
| TAIXE - DONHANG | 1 Optional to Many Optional | Một tài xế có thể chở không hoặc nhiều đơn hàng.  Một đơn hàng có thể thuộc về không hoặc một tài xế. |

**3**

# Phân quyền người dùng

**3.1**

### Giới thiệu Role

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên role** | **Loại** | **Quyền** |
| 1 | admin | admin | Có tất cả quyền như 1 dbo\_owner |
| 2 | NhanVien | Nhân viên | Có tất cả quyền như 1 dbo\_sysadmin. Ngoài ra, nhân viên có thể xem danh sách hợp đồng đối tác và thêm – sửa – xóa danh sách sản phẩm. |
| 3 | DoiTac | Đối tác | Đối tác có thể xem – xóa – sửa thông tin sản phẩm và chi nhánh có cung cấp sản phẩm này; có thể xem thông tin đơn hàng và cập nhật thông tin đơn hàng. |
| 4 | KhachHang | Khách hàng | Khách hàng có thể xem thông tin đối tác, thông tin đơn hàng, có thể truy cập vào thông tin cá nhân. |
| 5 | TaiXe | Tài xế | Tài xế có thể cập nhật đơn hàng và xem thông tin hiển thị trên khu vực. |

**3.2**

### Thiết lập người dùng

Tạo user cho các role sau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Role** | **Tên login** | **Password** |
| admin | bcdanh | bcdanh |
| admin | lhtphuoc | lhtphuoc |
| admin | lxdinh | lxdinh |
| admin | nmxhuyen | nmxhuyen |
| NhanVien | t\_nv | nhanvien |
| DoiTac | t\_dt | doitac |
| KhachHang | t\_kh | khachhang |
| TaiXe | t\_tx | taixe |

**3.3**

### Phân quyền người dùng

¨     Phân hệ đối tác

Cho phép đối tác thêm – xóa – sửa thông tin sản phẩm và chi nhánh có cung cấp sản phẩm này.

Cho phép đối tác xem thông tin và cập nhật tình trạng của đơn hàng

¨     Phân hệ khách hàng

Cho phép khách hàng xem danh sách đối tác và hiển thị sản phẩm của đối tác

Cho phép khách hàng theo dõi quá trình vận chuyển đơn hàng do đối tác và tài xế cập nhật

¨     Phân hệ tài xế

Cho phép tài xế có thể cập nhật đơn hàng, xem đơn hàng hiển thị trên khu vực

¨     Phân hệ nhân viên

Cho phép nhân viên có thể xem danh sách hợp đồng đối tác

Cho phép nhân viên có thể xem – xóa – sửa danh sách sản phẩm

¨     Phân hệ quản trị

Cập nhật thông tin tài khoản

Thêm – xóa – sửa tài khoản nhân viên, admin

Khóa và kích hoạt tài khoản

Cấp quyền thao tác dữ liệu